

Name: _____ Date: ____/____/20____ Mark: ____/____ Time allowed: 45 minutes

Vocabulary Review Test: Barron's Essential Words For The IELTS – Unit 6: Tourism



Instruction: Fill in the blanks with the correct form of the Tourism vocabulary you have learned.

No.	Vocabulary	Example (English)	Translation (Vietnamese)
1		A recent..... revealed that many people did not know where their heart is.	Dịch: Một cuộc khảo sát gần đây cho thấy nhiều người không biết tim mình ở đâu.
2		Alaska is the last great	Dịch: Alaska là vùng hoang dã vĩ đại cuối cùng.
3		 have uncovered the remains of an Anglo-Saxon settlement.	Dịch: Các nhà khảo cổ đã phát hiện tàn tích của một khu định cư Anglo-Saxon.
4		Avocado is the main of the Mexican dish.	Dịch: Bơ là thành phần chính của món ăn Mexico đó.
5		Be of strangers who offer you a ride.	Dịch: Hãy cảnh giác với người lạ đề nghị cho bạn đi nhờ.
6		Buying new furniture may prove too	Dịch: Mua đồ nội thất mới có thể sẽ quá tốn kém.
7		Coffee is one of my few	Dịch: Cà phê là một trong số ít thú vui của tôi.
8		Does he wear those clothes to attention to himself?	Dịch: Anh ta mặc những bộ đồ đó để thu hút sự chú ý về mình ư?
9		During the emergency, many staff to work through the weekend.	Dịch: Trong tình huống khẩn cấp, nhiều nhân viên tình nguyện làm việc suốt cuối tuần.
10		For the more tourists, there are trips into the mountains with a local guide.	Dịch: Đối với du khách ưa mạo hiểm, có các chuyến leo núi với hướng dẫn viên địa phương.
11		French is world-famous.	Dịch: Ẩm thực Pháp nổi tiếng khắp thế giới.
12		He attracted a lot of bad with his speech.	Dịch: Bài phát biểu khiến anh ấy thu hút nhiều dư luận tiêu cực.
13		He had a past and could tell some amusing stories.	Dịch: Anh ấy có quá khứ nhiều màu sắc và kể được nhiều câu chuyện thú vị.
14		He his knee playing hockey.	Dịch: Anh ấy bị chấn thương đầu gối khi chơi khúc côn cầu.

15	Her Majesty was presented with a bouquet and a sword.	Dịch: Nữ hoàng được tặng một bó hoa và một thanh kiếm nghi lễ.
16	His body was to perfection.	Dịch: Cơ thể anh ấy đã được rèn luyện đến mức hoàn hảo.
17	Hotel is included in the price of your holiday.	Dịch: Chỗ ở khách sạn đã bao gồm trong giá kỳ nghỉ của bạn.
18	How the massive stones were brought here remains a	Dịch: Việc những khối đá khổng lồ được đưa đến đây như thế nào vẫn là điều bí ẩn.
19	I can never make up stories—I have absolutely no	Dịch: Tôi không bao giờ bịa được chuyện—tôi hoàn toàn không có trí tưởng tượng.
20	I like to buy myself little from time to time.	Dịch: thỉnh thoảng tôi thích tự mua cho mình vài món xa xỉ.

Instruction: Match the words with their definitions.

- | | |
|----------------|--|
| 1. supervision | a. a place where something is or will be built; a location / địa điểm; vị trí |
| 2. acquire | b. a large system of connected parts / mạng lưới; hệ thống |
| 3. concept | c. a basic rule that explains how something works or should be done / nguyên lý; nguyên tắc |
| 4. institute | d. to start or cause a system, rule, or legal action to exist / thiết lập; khởi xướng; tiến hành |
| 5. principle | e. something that stops people from going somewhere; an obstacle / vật cản; rào cản |
| 6. budget | f. to gain something by your own efforts, ability, or behaviour / đạt được; thu được |
| 7. site | g. a principle or idea / khái niệm; quan niệm |
| 8. breeze | h. a light and pleasant wind / làn gió nhẹ |
| 9. barrier | i. the act of watching to ensure things are done correctly or safely / sự giám sát; trông nom |
| 10. network | j. a plan of expected income and spending / ngân sách; ngân quỹ |

1. _____	2. _____	3. _____	4. _____	5. _____
6. _____	7. _____	8. _____	9. _____	10. _____

Instruction: Complete the passage with the correct form of the words from the box.

construct – resort – precisely – accessible – spectacular – restriction – economical – remote – sponsor – category

Many companies now (1) _____ festivals and events to make cities more attractive to tourists. Thanks to this support, many places are more (2) _____ by bus, train, or plane. In some popular destinations, there are still (3) _____ on the number of visitors each day to protect nature. Hotels usually have different (4) _____ of rooms, and tourists often choose the ones with a (5) _____ view of the sea or mountains.

Today, many travelers look for (6) _____ tours that help them save money. Local workers also (7) _____ new hotels and restaurants, even in (8) _____ areas. Travel guides must give information (9) _____, so tourists know what to expect. For many people, the best holiday is staying in a beach (10) _____, where they can relax and enjoy the scenery.

1. _____	2. _____	3. _____	4. _____	5. _____
6. _____	7. _____	8. _____	9. _____	10. _____

Instruction: Rearrange the words below to make meaningful sentences. Find one word in each sentence that belongs to the Tourism topic you have learned.

1. Cerdic/ a native Briton. / was/ may indicate/ This voice/ that Topic word: _____

2. is/ technological/ miniature phone/ marvel/ from Japan./ This/ the latest Topic word: _____

3. that/ the parts/ interested in/ only/ We are/ pertain to/ local issues. Topic word: _____

4. our destination/ tired/ arrived at/ and hungry./ We Topic word: _____

5. program./ this/ eighty children/ day-care/ We/ in/ have enrolled Topic word: _____

6. to encourage/ We/ ways/ need/ recycling Topic word: _____

7. avenue/ lined with/ a/ walked down/ We/ broad/ trees. Topic word: _____

8. want to/ while/ We/ the town/ improving facilities./ the character/ of / preserve Topic word: _____

9. We/ the book,/ what about/ the content?/ the form/ of/ have discussed

Topic word:

10. Japanese/ learn/ can / What/ business practice?/ European companies/ from

Topic word:

Instruction: Look at the transcription and write the words, then solve the word search puzzle to earn 10 bonus points.

/ə'vɔɪd/	1. _____	/teɪst/	6. _____
/straɪv/	2. _____	/ˈdelɪkət/	7. _____
/ˌreɪzˈdenʃl/	3. _____	/ɪnˈdevər/	8. _____
/ˈʌpsaɪd/	4. _____	/ˈkʌlprɪt/	9. _____
/ˈɒŋgəʊɪŋ/	5. _____	/dʌmp/	10. _____

A T N L N V G C
H Q I J C W S Z G L I Q
U H U I T A H V E A J O N S
R L G Q H S G V D W I V
J S G X E K F J I J Y S L B
R Y A O S M D C R M I M A N
C F C Y B R E T U T P X W I I G
D P L U G T G E H S M U I T L N
J E K T L H T N X P U P C N E L
N W L K M P S G J D C E V D D S I E I M
J I D I F N R G S E B Z C L C I M D Y H
U E V L C A Y I R A X G X O R D B I V N
A T Q F A R R T V J X T H S E S N T
M S H X T D V O A G S B O E I Q
A U P Z E H R A B R X S R O
T F I Q Y I A S
K P H M K T V K
W F K N F M H H E F S P O P
G N I O G N O G Z K I I
O P I L G E L D